

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
<b>Đăng ký Doanh Nghiệp số</b>	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Quyết định cổ phần hóa</b>	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phượng Ông Lê Thiết Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

<b>Trụ sở đăng ký</b>	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
**VIỆT THẮNG**  
**CTCP**

Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2015



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến trang 47. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 15-01-340



*Chang Hung Chen*

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Tú

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2015

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>562.641.228.447</b>	<b>608.739.949.917</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>34.981.796.236</b>	<b>58.869.488.835</b>
Tiền	111		26.481.796.236	15.869.488.835
Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	43.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>23.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	23.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>251.121.727.273</b>	<b>186.081.360.250</b>
Phải thu khách hàng	131	7	231.525.216.415	166.111.325.284
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.131.566.496	3.136.773.058
Phải thu khác	136	8	8.042.129.853	17.005.847.072
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(577.185.491)	(172.585.164)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>228.078.163.837</b>	<b>323.521.343.206</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.459.541.101</b>	<b>40.267.757.626</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.874.145.572	1.808.274.354
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.569.496.129	38.459.483.272
Thuế phải thu Nhà nước	153	14	15.899.400	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>722.980.645.634</b>	<b>749.694.563.455</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>623.585.033.738</b>	<b>568.484.922.522</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	623.585.033.738	568.484.922.522
Nguyên giá	222		1.012.573.439.606	919.388.838.312
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(388.988.405.868)	(350.903.915.790)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>468.291.779</b>	<b>582.943.397</b>
Nguyên giá	231		26.436.678.414	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(25.968.386.635)	(25.853.735.017)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>84.584.761.568</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	84.584.761.568
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>94.049.470.627</b>	<b>93.618.235.498</b>
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.100.000.000	9.350.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.681.235.129)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.877.849.490</b>	<b>2.423.700.470</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		4.877.849.490	2.423.700.470
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.285.621.874.081</b>	<b>1.358.434.513.372</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>791.482.901.771</b>	<b>878.113.480.296</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>572.928.457.691</b>	<b>636.831.254.366</b>
Phải trả người bán	311	13	64.391.849.991	109.355.165.963
Người mua trả tiền trước	312		6.730.503.399	4.186.489.368
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	6.155.208.902	5.152.022.765
Phải trả người lao động	314		22.747.667.179	21.600.756.031
Chi phí phải trả	315		530.124.316	520.993.611
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.617.847.957	52.340.379.525
Vay ngắn hạn	320	16(a)	461.513.024.117	439.914.750.164
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.242.231.830	3.760.696.939
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>218.554.444.080</b>	<b>241.282.225.930</b>
Vay dài hạn	338	16(b)	218.554.444.080	241.282.225.930
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>494.138.972.310</b>	<b>480.321.033.076</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>494.138.972.310</b>	<b>480.321.033.076</b>
Vốn cổ phần	411	18	210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		227.679.422.460	213.861.483.226
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203.095.203.862	169.948.689.584
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.584.218.598	43.912.793.642
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.285.621.874.081</b>	<b>1.358.434.513.372</b>

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:  
  
Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

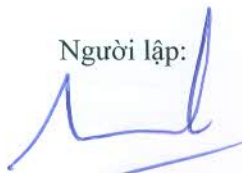
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	859.834.762.137	804.677.688.527
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	96.035.900	2.916.121.347
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>859.738.726.237</b>	<b>801.761.567.180</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	774.843.352.769	714.159.350.659
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>84.895.373.468</b>	<b>87.602.216.521</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.883.315.654	2.621.263.760
Chi phí tài chính	22	25	21.492.323.093	7.112.143.946
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.325.610.780	5.934.399.070
Chi phí bán hàng	25		4.905.312.041	3.385.038.035
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		22.742.701.537	21.625.944.022
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>38.638.352.451</b>	<b>58.100.354.278</b>
Thu nhập khác	31	26	18.174.164.626	13.189.938.043
Chi phí khác	32	27	19.047.480.671	12.060.890.225
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(873.316.045)</b>	<b>1.129.047.818</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>37.765.036.406</b>	<b>59.229.402.096</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	13.180.817.808	12.188.681.064
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>24.584.218.598</b>	<b>47.040.721.032</b>

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>37.765.036.406</b>	<b>59.229.402.096</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		40.721.175.675	17.916.091.999
Các khoản dự phòng	03		(276.634.802)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.221.956.494	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.033.197.595)	(1.445.805.528)
Chi phí lãi vay	06		13.325.610.780	5.934.399.070
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>96.723.946.958</b>	<b>81.634.087.637</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(54.872.679.019)	(112.616.879.793)
Biến động hàng tồn kho	10		95.443.179.369	31.665.279.169
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(41.466.485.879)	(32.581.167.663)
Biến động chi phí trả trước	12		(5.520.020.238)	(2.394.579.834)
			<b>90.307.941.191</b>	<b>(34.293.260.484)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.325.610.780)	(5.934.399.070)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.485.158.454)	(16.173.551.936)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		15.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.049.744.473)	(694.834.744)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>61.462.427.484</b>	<b>(57.096.046.234)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(12.713.358.098)	(67.173.616.548)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.608.160.000	205.150.000
Tiền mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(23.000.000.000)	(15.100.000.000)
Tiền bán công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	29.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		959.254.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.258.291.057	5.482.319.418
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(25.387.653.041)</b>	<b>(47.486.147.130)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	11.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		582.137.608.136	515.292.839.995
Tiền trả nợ gốc vay	34		(589.678.512.239)	(360.481.763.327)
Tiền trả cổ tức	36		(52.457.737.500)	(32.320.237.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(59.998.641.603)</b>	<b>133.490.839.168</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(23.923.867.160)</b>	<b>28.908.645.804</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		58.869.488.835	48.738.679.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		36.174.561	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>34.981.796.236</b>	<b>77.647.325.712</b>

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 210.000.000.000 VND.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 1.442 nhân viên (1/1/2015: 1.452 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4(a));

## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

##### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 8 – 16 năm

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Doanh thu**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) *Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(o) *Doanh thu lãi tiền gửi***

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(p) *Doanh thu từ cổ tức***

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) *Các khoản thanh toán thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) *Chi phí vay***

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

## Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### (t) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty con, công ty liên doanh, công ty mẹ và các công ty con, và công ty liên doanh, liên kết của công ty mẹ.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	91.386.202	19.635.000
Tiền gửi ngân hàng	26.390.410.034	15.849.853.835
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	43.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	34.981.796.236	58.869.488.835

## 6. Các khoản đầu tư tài chính

### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng, hưởng lãi với lãi suất 5,5% một năm (1/1/2015: không).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2015						1/1/2015					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
▪ Công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				<u>77.890.684.464</u>	-	(*)				<u>77.890.684.464</u>	-	(*)

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	30/6/2015						1/1/2015					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)
▪ Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	9.000.000.000	(*)
				<u>16.058.786.163</u>	<u>9.000.000.000</u>	<u>(*)</u>				<u>16.058.786.163</u>	<u>9.000.000.000</u>	<u>(*)</u>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	30/6/2015					1/1/2015						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	-	-		-	-	(*)	75.000	3,36%		750.000.000	681.235.129	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	550.000	5,00%		5.500.000.000	-	(*)	500.000	5,00%		5.000.000.000	-	(*)
				9.100.000.000	-	(*)				9.350.000.000	681.235.129	(*)
				103.049.470.627	9.000.000.000	(*)				103.299.470.627	9.681.235.129	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Yên Thái	11.115.242.374	18.380.498.831
Công ty TNHH Hyopshin	31.679.525.968	7.683.896.880
Các khách hàng khác	188.730.448.073	140.046.929.573
	<hr/>	<hr/>
	231.525.216.415	166.111.325.284

**(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Ngắn hạn	231.525.216.415	166.111.325.284
	<hr/>	<hr/>

**(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần May Việt Thắng – công ty con	949.145.019	785.752.570
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên kết	1.632.065.848	1.017.340.514
Các bên liên quan khác	15.161.705.733	2.057.190.431
	<hr/>	<hr/>
	17.742.916.600	3.860.283.515

Khoản phải thu công ty con và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu từ các công ty liên quan	2.800.922.000	10.525.281.069
Lãi phải thu tiền gửi ngân hàng	173.683.334	280.900.000
Tạm ứng	1.116.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.587.856.604	5.161.055.054
Phải thu khác	1.363.667.915	1.038.610.949
	<b>8.042.129.853</b>	<b>17.005.847.072</b>

Cổ tức phải thu từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	1.006.397.920	26.070.005.157
Nguyên vật liệu	54.704.850.888	64.467.329.877
Công cụ và dụng cụ	62.278.472	52.982.898
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.256.562.071	47.483.007.830
Thành phẩm	134.569.631.491	162.268.933.844
Hàng hóa	478.442.995	23.179.083.600
	<b>228.078.163.837</b>	<b>323.521.343.206</b>



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	120.108.236.424	786.772.256.209	11.876.807.315	631.538.364	919.388.838.312
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	6.624.523.859 -	90.673.595.807 (1.068.042.472)	- (3.045.475.900)	- -	97.298.119.666 (4.113.518.372)
Số dư cuối kỳ	126.732.760.283	876.377.809.544	8.831.331.415	631.538.364	1.012.573.439.606
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	43.458.038.184	300.292.060.593	6.823.344.565	330.472.448	350.903.915.790
Khấu hao trong kỳ Thanh lý	3.087.409.056 -	36.727.880.281 (781.986.337)	731.264.990 (1.740.047.642)	59.969.730 -	40.606.524.057 (2.522.033.979)
Số dư cuối kỳ	46.545.447.240	336.237.954.537	5.814.561.913	390.442.178	388.988.405.868
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	76.650.198.240	486.480.195.616	5.053.462.750	301.065.916	568.484.922.522
Số dư cuối kỳ	80.187.313.043	540.139.855.007	3.016.769.502	241.096.186	623.585.033.738

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 160.656 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 160.289 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 419.478 triệu VND (1/1/2015: 39.938 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

**11. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	26.436.678.414
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	25.853.735.017
Khấu hao trong kỳ	114.651.618
Số dư cuối kỳ	25.968.386.635
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	582.943.397
Số dư cuối kỳ	468.291.779

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ	84.584.761.568	5.251.033.455
Tăng trong kỳ	12.713.358.098	67.173.616.548
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(97.298.119.666)	(22.600.519.187)
Số dư cuối kỳ	-	49.824.130.816

**13. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>
Công ty TNHH Timtex Enterprise	-	-	14.166.205.085	14.166.205.085
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	12.240.106.517	12.240.106.517	19.081.871.913	19.081.871.913
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	35.784.341.866	35.784.341.866	26.852.700.236	26.852.700.236
Các nhà cung cấp khác	16.367.401.608	16.367.401.608	49.254.388.729	49.254.388.729
	64.391.849.991	64.391.849.991	109.355.165.963	109.355.165.963

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>30/6/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>
Ngắn hạn	64.391.849.991	64.391.849.991	109.355.165.963	109.355.165.963

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An – công ty con	12.240.106.517	12.240.106.517	19.081.871.913	19.081.871.913
Các bên liên quan khác	35.784.341.866	35.784.341.866	26.865.918.743	26.865.918.743
	48.024.448.383	48.024.448.383	45.947.790.656	45.947.790.656

Khoản phải trả công ty con và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**14. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	69.235.511.399	(14.535.989)	(69.220.975.410)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	155.802.988	(171.702.388)	-	(15.899.400)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.425.009.881	13.180.817.808	(11.485.158.454)	-	6.120.669.235
Thuế thu nhập cá nhân	722.924.724	1.762.400.367	(2.458.037.264)	-	27.287.827
Thuế tài nguyên	4.088.160	36.163.440	(32.999.760)	-	7.251.840
Tiền thuế đất	-	3.290.606.982	(3.290.606.982)	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	5.152.022.765	87.664.302.984	(17.456.040.837)	(69.220.975.410)	6.139.309.502

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	509.786.950	246.948.010
Bảo hiểm xã hội	256.067.050	-
Cổ tức phải trả	240.977.500	51.448.715.000
Các khoản phải trả khác	611.016.457	644.716.515
	<hr/>	<hr/>
	1.617.847.957	52.340.379.525
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	427.150.697.684	427.150.697.684	571.775.503.137	(583.322.459.759)	415.603.741.062	415.603.741.062
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	12.764.052.480	12.764.052.480	39.501.283.055	(6.356.052.480)	45.909.283.055	45.909.283.055
	439.914.750.164	439.914.750.164	611.276.786.192	(589.678.512.239)	461.513.024.117	461.513.024.117

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)</b>				
Khoản vay 1	VND	4,5% - 5,0%	115.501.226.446	103.006.480.551
Khoản vay 2	USD	2,1%	78.996.058.820	93.971.692.368
<b>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</b>				
Khoản vay 3	VND	4,9% - 5,5%	-	24.806.791.080
Khoản vay 4	USD	2,1% - 2,8%	-	19.746.530.535
<b>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>				
Khoản vay 5	VND	5,0%	68.696.608.379	105.414.902.270
<b>Ngân hàng Quốc Tế</b>				
Khoản vay 6	USD	2,1 - 2,3%	8.146.756.222	17.372.392.380
<b>Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng</b>				
Khoản vay 7	USD	2,3 - 2,5%	13.629.443.620	33.614.299.284
<b>Ngân hàng Far East National Bank Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</b>				
Khoản vay 8	USD	2,0%	9.510.329.916	29.217.609.216
<b>Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam</b>				
Khoản vay 9	VND	4,5% - 4,7%	8.277.459.002	-
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</b>				
Khoản vay 10	VND	4,0%	112.845.858.657	-
			<hr/>	<hr/>
			415.603.741.062	427.150.697.684

(\*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 237.090 triệu VND (1/1/2015: 39.938 triệu VND) (Thuyết minh 10).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	264.463.727.135	254.046.278.410
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)	(45.909.283.055)	(12.764.052.480)
	218.554.444.080	241.282.225.930

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>tiền</b>	<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	4,0% - 4,5%	2022	133.102.000.000	136.652.052.480
Ngân hàng Quốc Tế (**)	USD	4,3%	2020	131.361.727.135	117.394.225.930
				264.463.727.135	254.046.278.410

(\*) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022.

(\*\*) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 182.388 triệu VND (1/1/2015: không) (Thuyết minh 10).



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 - đã báo cáo trước đây</i>	200.000.000.000	2.172.727.273	47.700.748.981	5.696.073.596	177.647.669.878	433.217.219.728
<i>Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán (Thuyết minh 32)</i>	-	-	5.696.073.596	(5.696.073.596)	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 – đã điều chỉnh lại</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	53.396.822.577	-	177.647.669.878	433.217.219.728
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	47.040.721.032	47.040.721.032
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.698.980.294)	(7.698.980.294)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	53.396.822.577	-	216.989.410.616	472.558.960.466

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	53.396.822.577	-	216.989.410.616	472.558.960.466
Phát hành cổ phiếu	10.000.000.000	890.000.000	-	-	-	10.890.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	48.122.072.610	48.122.072.610
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(51.250.000.000)	(51.250.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	-	213.861.483.226	480.321.033.076
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	24.584.218.598	24.584.218.598
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(9.516.279.364)	(9.516.279.364)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	-	227.679.422.460	494.138.972.310

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vốn cổ phần**

Cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**19. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu*****Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

**20. Cổ tức**

Trong cuộc họp ngày ngày 25 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã đề xuất phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014, trong đó công ty đã tạm trích 51.250 triệu VND trong năm 2014 theo biên bản cuộc họp ngày 15 tháng 12 năm 2014.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	110.196	2.404.466.247	124.591	2.661.262.692

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	579.771.541.457	494.456.768.163
▪ Bán hàng hóa	274.910.585.448	304.907.050.772
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	5.152.635.232	5.313.869.592
	<hr/>	<hr/>
	859.834.762.137	804.677.688.527
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	96.035.900	2.916.121.347
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	859.738.726.237	801.761.567.180

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành phẩm đã bán	500.468.393.219	416.156.115.695
Hàng hoá đã bán	273.187.374.682	297.235.333.011
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.187.584.868	767.901.953
	<hr/>	<hr/>
	774.843.352.769	714.159.350.659

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	807.267.988	1.224.477.750
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	209.254.000	-
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	634.145.905	1.172.264.170
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.020.055.201	224.521.840
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	212.592.560	-
	<b>2.883.315.654</b>	<b>2.621.263.760</b>

**25. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.325.610.780	5.934.399.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.413.081.834	1.177.744.876
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.434.549.054	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(681.235.129)	-
Chi phí tài chính khác	316.554	-
	<b>21.492.323.093</b>	<b>7.112.143.946</b>

**26. Thu nhập khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Thu phí điện từ các bên liên quan	2.817.388.167	3.472.351.448
Bán phế liệu	11.769.428.922	6.412.514.396
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	16.675.607	205.150.000
Thu nhập khác	3.570.671.930	3.099.922.199
	<b>18.174.164.626</b>	<b>13.189.938.043</b>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí điện cho các bên liên quan	2.479.002.435	3.063.201.611
Chi phí bán phế liệu	11.197.785.751	6.137.234.047
Các khoản bị phạt	2.221.438.819	-
Chi phí khác	3.149.253.666	2.860.454.567
	<hr/>	<hr/>
	19.047.480.671	12.060.890.225

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	621.175.646.844	588.581.107.376
Chi phí nhân công	65.551.144.485	63.982.041.294
Chi phí khấu hao	40.721.175.675	17.916.091.999
Chi phí khác	70.919.656.487	58.242.202.051

**29. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	8.351.446.124	12.188.681.064
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.829.371.684	-
	<hr/>	<hr/>
	13.180.817.808	12.188.681.064

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.765.036.406	59.229.402.096
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.553.007.281	11.845.880.419
Chi phí không được khấu trừ thuế	679.076.986	160.115.200
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	119.361.857	182.685.445
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.829.371.684	-
	13.180.817.808	12.188.681.064

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

**30. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	34.890.410.034	58.849.853.835
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	23.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	238.990.160.777	182.944.587.192
		<hr/>	<hr/>
		296.880.570.811	241.794.441.027

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 0,6% đến 0,9%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>Gộp 30/6/2015 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2015 VND</b>
Trong hạn	129.683.749.012	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	75.362.403.661	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	32.984.975.108	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.536.218.487	(577.185.491)
	239.567.346.268	(577.185.491)
	<b>Gộp 1/1/2015 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 1/1/2015 VND</b>
Trong hạn	115.618.804.112	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	33.891.291.060	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	31.852.509.097	-
Quá hạn trên 180 ngày	1.754.568.087	(172.585.164)
	183.117.172.356	(172.585.164)

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	172.585.164	226.075.152
Tăng dự phòng trong kỳ	404.600.327	-
Số dư cuối kỳ	577.185.491	226.075.152

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30/6/2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
Phải trả người bán	64.391.849.991	64.391.849.991	64.391.849.991	-	-	-
Phải trả người lao động	22.747.667.179	22.747.667.179	22.747.667.179	-	-	-
Chi phí phải trả	530.124.316	530.124.316	530.124.316	-	-	-
Phải trả khác	1.617.847.957	1.617.847.957	1.617.847.957	-	-	-
Vay ngắn hạn	415.603.741.062	421.236.013.211	421.236.013.211	-	-	-
Vay dài hạn	264.463.727.135	295.183.394.285	56.372.581.202	60.734.774.057	168.970.068.137	9.105.970.889
	<b>769.354.957.640</b>	<b>805.706.896.939</b>	<b>566.896.083.856</b>	<b>60.734.774.057</b>	<b>168.970.068.137</b>	<b>9.105.970.889</b>

**1/1/2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
Phải trả người bán	109.355.165.963	109.355.165.963	109.355.165.963	-	-	-
Phải trả người lao động	21.600.756.031	21.600.756.031	21.600.756.031	-	-	-
Chi phí phải trả	520.993.611	520.993.611	520.993.611	-	-	-
Phải trả khác	52.340.379.525	52.340.379.525	52.340.379.525	-	-	-
Vay ngắn hạn	427.150.697.684	433.095.715.342	433.095.715.342	-	-	-
Vay dài hạn	254.046.278.410	288.119.464.253	39.150.838.955	109.260.079.186	133.089.200.779	6.619.345.333
	<b>865.014.271.224</b>	<b>905.032.474.725</b>	<b>656.063.849.427</b>	<b>109.260.079.186</b>	<b>133.089.200.779</b>	<b>6.619.345.333</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là đồng VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.196	124.591
Phải thu khách hàng	2.031.499	1.214.936
Phải trả người bán	(371.072)	(1.513.130)
Vay ngắn hạn	(5,054,197)	(9.078.769)
Vay dài hạn	(12,120,244)	(11.893.552)
	<hr/>	<hr/>
	(15,403,818)	(21.145.924)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
1 USD	21.820	21.360
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày bằng cân đối kế toán. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng đối với  
lợi nhuận thuần  
VND**

<b>30/6/2015</b>	<hr/>
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(2,688,890,470)
	<hr/>
<b>1/1/2015</b>	<hr/>
USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần	(3,613,415,493)
	<hr/>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	43.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	31.500.000.000	43.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	26.390.410.034	15.849.853.835
Vay ngắn hạn	(415.603.741.062)	(427.150.697.684)
Vay dài hạn	(264.463.727.135)	(254.046.278.410)
	<hr/>	<hr/>
	(653.677.058.163)	(665.347.122.259)
	<hr/>	<hr/>

Công ty chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Nếu lãi suất tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 5,2 tỷ VND lợi nhuận thuần của Công ty (1/1/2015: 5,3 tỷ VND).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Công ty con</b>				
<b>Công ty cổ phần May Việt Thắng</b>				
Bán thành phẩm	3.655.145.212	2.287.532.701	949.145.019	785.752.570
Ký quỹ thuê nhà	-	-	(25.000.000)	(25.000.000)
Thu nhập cho thuê	895.396.364	787.426.182	-	-
Thu nhập khác	3.026.456.502	3.279.092.071	-	-
Chi phí khác	-	32.409.000	-	-
Mua hàng hóa	437.938.971	379.545.574	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	2.090.750.000
<b>Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An</b>				
Bán thành phẩm	494.697.400	570.456.950	-	-
Thu nhập khác	368.058.848	319.277.569	-	-
Mua hàng hóa	18.111.365.671	9.601.052.605	-	-
Mua hàng gia công	46.852.660.508	37.880.058.620	(12.240.106.517)	(19.081.871.913)
Mua khác	278.658.805	83.159.420	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	3.553.609.069
<b>Công ty liên doanh và liên kết</b>				
<b>Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I</b>				
Bán thành phẩm	-	15.214.300	-	-
Mua hàng hóa	-	9.663.733	-	-
Mua dịch vụ	-	140.448.000	-	-
Thu nhập cho thuê	750.000.000	750.000.000	-	-
Thu nhập khác	1.301.372.746	1.351.707.292	1.632.065.848	1.017.340.514
Thu nhập cổ tức	-	-	2.800.922.000	3.800.922.000
Mua hàng hóa	139.613.760	-	-	-
Cho vay	-	4.100.000.000	-	-
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh</b>				
Bán thành phẩm	-	1.515.464.300	-	-
Mua hàng hóa	-	6.130.175.053	-	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Các công ty liên quan khác</b>				
<b>Công ty TNHH Dệt Việt Phú</b>				
Bán thành phẩm	51.910.415.359	107.146.884.404	7.847.609.655	-
Bán dụng cụ và phụ tùng	2.562.631.510	4.211.302.660	-	-
Thu nhập cho thuê	2.530.022.728	2.938.090.910	-	-
Thu nhập khác	393.303.870	461.206.099	-	-
Mua hàng hóa	228.983.028.395	207.655.361.102	(35.784.341.866)	(26.852.700.236)
Lãi trả chậm	384.894.168	647.879.178	-	-
Thu nhập cổ tức	-	-	-	1.080.000.000
<b>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>				
Phí thành viên	-	70.000.000	-	-
Phân phối cổ tức	-	-	-	(24.637.500.000)
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</b>				
Bán thành phẩm	20.028.770.540	2.934.467.200	6.124.058.666	1.094.025.798
Doanh thu gia công	160.450.500	-	-	-
Dịch vụ gia công	124.660.625	-	-	-
<b>Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam</b>				
Bán thành phẩm	-	67.244.450	-	460.715.933
Mua hàng hóa	580.561.174	-	-	(5.218.125)
Dịch vụ gia công	-	26.065.600	-	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>				
Bán thành phẩm	-	493.550.500	-	-
Mua hàng hóa	-	1.428.205.766	-	-
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú</b>				
Bán thành phẩm	-	455.159.472	-	-
Doanh thu gia công	396.047.675	136.737.175	28.684.500	122.715.834
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>				
Bán thành phẩm	1.356.285.900	1.788.532.950	635.557.065	379.299.300
Doanh thu gia công	5.682.000	-	-	-
<b>Công ty TNHH MTV Dệt 8-3</b>				
Bán thành phẩm	266.095.000	404.400.000	-	-
Doanh thu gia công	-	935.646.980	-	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>				
Doanh thu gia công	224.702.220	-	8.781.052	122.715.834
<b>Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang</b>				
Bán thành phẩm	1.401.280.525	1.751.191.118	517.014.795	123.149.400
<b>Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý</b>				
Lương và thưởng	2.042.000.000	1.857.399.260	-	-

**32. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu khác	17.005.847.072	11.844.792.018
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.161.055.054
Quỹ dự phòng tài chính	-	5.696.073.596
Quỹ đầu tư phát triển	53.396.822.577	47.700.748.981

Ngày 5 tháng 8 năm 2015

Người lập:  


Lê Thiết Hùng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

  
 Nguyễn Đức Khiêm  
 Tổng Giám đốc